

Ý nghĩa từ ngữ “TRỞ SANH”

GIÓ ĐÔNG

Lật đọc những trang sấm thi PGHH chúng ta sẽ thấy phương phát cái hương vị tươi mát, ngọt ngào của miền quê sông nước. Bởi Đức giáo chủ đã “Quyết dạy trần nên nói lời thường. Cho sanh chúng đời nay dễ biết.” Bằng vào những lời thi ca lục bát giản dị bình dân, mang đậm chất thái của làng quê nam việt, Ngài đã thổi vào đó những tinh hoa yếu lý nhiệm mầu của đạo, để rồi qua đó giúp cho mọi người từ các bậc trí thức bác học cho đến hạng quần chúng nông dân, họ có thể lãnh ngộ được ý nghĩa Phật pháp một cách sâu sắc, dễ dàng và thực tế trong đời sống của họ. Phần tìm hiểu dưới đây sẽ là một luận cứ chứng minh cụ thể cho vấn đề một cách thuyết phục không chút ngoa ngữ. Dù chỉ với vài từ ngữ trong hai câu thi thất ngôn đơn giản thôi, cũng đủ để chúng ta thán phục trước thánh tài trắc việt, siêu phàm của Đức Thầy Huỳnh giáo chủ:

***“ Ngày thắm thoát đông qua hạ chí,
Bà trở sanh thái tử đẹp tươi.”***

Hai câu thi được rút ra trong tác phẩm “Khuyến Thiện”, một trong sáu quyển giảng kệ của Ngài. Đoạn này là phần Ngài đang diễn tả về sự ra đời của Đức Phật mở đầu cho nguyên nhân và sự có mặt của Phật giáo ngày nay. Từ khi Đức Ma Da hoàng hậu lâm thánh mộng thấy giáng lâm của Bạch Tượng sáu ngà, thì bà “có hỷ”.

Lúc ấy là lúc đất trời mát mẻ, vườn ngự có trăng sáng hoa thơm, cỏ hoa vạn vật đang non nả vươn mình hứng lấy gió sương được hòa quyện trong cái tiết trời tươi mát, lành lạnh căng đầy nhựa sống và sự phát triển cho muôn loài giữa lúc thu phân. Dường như là sự vui mừng đón chào trong niềm tin tưởng thiêng liêng với những điềm báo lâm phạm kiệt tường của đấng cứu thế. Rồi niềm vui cũng như hoa nở rộ tung bừng giữa chốn hoàng cung, tháng ngày hỷ hạ dần trôi trong sự nô nức đón chờ vị vương tử bé. Hết thu sang đông, hết đông đến xuân, xuân qua thì hạ đáo “ngày thắm thoát đông qua hạ chí”. Và những gì tới rồi cũng tới, niềm vui lớn của nhân loại được kết thành, thái tử Sĩ Đạt Ta chào đời, đấng Như Lai của 30 năm sau xuất thế: “bà trở sanh thái tử đẹp tươi”. Sự diễn tả một cách cô đọng súc tích những năm tháng thái tử chào đời gói ghém một cách đầy đủ qua hai câu thi là thế. Nhưng những thâm ý vi diệu vẫn chưa dừng lại ở đó, như một dòng thác đổ cuộn cuộn giữa chốn non cao, càng chảy càng mạnh, càng ban phát dòng nước tràn trề khắp các ngõ ngách đồng quê. Hai câu thi là một dòng thác lớn, những từ ngữ

“thấm thoát” lột tả nên sự mau lẹ của thời gian như sự mong mỏi nôn nóng đang chảy mạnh trong lòng của những người chờ đợi; còn từ “đẹp tươi” diễn tả thật nhẹ nhàng, chân thật, không tô bóng cầu kỳ hay hoa mỹ lên hảo tướng tự nhiên đầy khí phách thoát phàm của thái tử khi bé. Rồi chính những từ ngữ có mặt để tạo nên nhịp điệu và ý nghĩa của câu thi trên đã trở thành một dòng nước mát tung tóe tràn đi khắp nơi nhằm báo tin cho sự có mặt của thái tử chính là một sự kiện vô cùng quan trọng được tiếp nối trong các từ “bà trở sanh” ở dưới. Mỗi từ ngữ trong hai câu thơ đều có nhiệm vụ riêng của nó, tất cả đều chung tay để làm thành một cách chu đáo cho sự chuẩn bị tiếp đón thái tử chào đời. Từng chữ từng câu bấy giờ bỗng sáng lên, lung linh như muôn ánh hào quang xoay ngược về chiều sáng cho nguồn cội của nó.

Từ ngữ “trở sanh” là nguồn cội của các từ ngữ trong các câu thi, mà tất cả các ý nghĩa đều được xuất phát và phải qui về như các vì sao đều phải châu về ngôi bắc đẩu.

Còn nhớ, một cây bút trứ danh trong làng văn Phật giáo, ông đã tỏ ra phân vân khi đặt bút viết đến lúc thái tử chào đời. Sự ngần ngại trong cách chọn từ để diễn tả sự ra đời của thái tử sao cho thanh thoát. Tất cả những từ ngữ: sinh, đẻ, hạ sinh, lâm bồn hay khai hoa nở nhị...vẫn thường và cũ không tài nào thoát khỏi sự nhơ uế tục phàm, không xứng để dùng cho sự đản sinh của Đức Thế Tôn được. Tính cách thận trọng ấy đã làm khổ ông thời gian không ít. Cho đến một ngày trong công cuộc tìm kiếm các thư tịch tham khảo, cơ duyên đã khiến ông đọc đến những dòng chữ của Đức Thầy. Sự thán phục đến tôn kính trước ngòi bút diễn tả bằng hai từ “trở sanh” ấy. Một từ ngữ rất đặc chất nôm nhưng đã được Ngài khéo léo kết hợp, đã diễn tả một cách tài tình, vừa có thể kể lại một cách chính xác sự kiện thái tử ra đời tại Lâm Tỳ Ni, vừa có thể nói lên được tất cả những nghĩa lý từ cạn đến sâu về ý nghĩa sự lâm phàm của đấng cứu thế.

Về mặt ngữ nghĩa thì trở là nở ra, còn sanh là sự sống. Một sự sống mới bắt đầu có mặt trong cuộc đời ví như một bông hoa được nở ra trên nhánh cây của mẹ. Sự có mặt của thái tử là sự khai nở của một bông hoa, hình ảnh đó nó đã thoát ly hoàn toàn tất cả những khổ đau hay nhơ uế của chu kỳ sinh sản. Bạn hãy nhìn xem những vẻ đẹp muôn màu của những bông hoa trong khu vườn bách hoa chi loại, dù bất cứ một loài hoa quý tiện thế nào, một cành hoa mẫu đơn hay một cành hoa hoang dại, dù mẹ nó có được nâng niu nuôi trồng trong chậu ngọc hay phải lây lất sống giữa nước đọng bùn lầy, thì với hoa một khi nở ra, hoa vẫn đẹp vẫn đủ màu

tinh khiết. Điều đáng nói là ở chỗ này, cái hay tài tình khi diễn tả sự ra đời rất tinh khiết, thoát tục của thái tử là như thế !

Và lại hai từ “trở sanh” còn có một nghĩa bóng là “sanh ngang” chứ không phải hạ sanh như bao người thế gian bình thường khác. Theo sách vở kể, trong lúc tùy hứng đưa tay để bắt lấy vẻ đẹp tròn vỉnh của cành Vô Ưu đang nở trên cây, cũng là lúc thái tử đã khai hong Ma Da hoàng hậu chào đời. Mới ra đời liền cất đi bảy bước trên bảy hoa sen, một tay trở trời, một tay trở đất mà nói rằng: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn, vô lượng sanh tử ư kim tận hỷ.” Thì nơi đây, từ ngữ “trở sanh” của Ngài đã đạt đến đỉnh cao trong việc diễn tả thái tử chào đời quá ư chính xác và tài tình thán phục.

Về mặt xuất thế, khi tả “trở sanh” là nói lên sự ra đời của Đức Phật như một việc “hoa khai” lại chứa đựng rất nhiều những đạo lý vô cùng bí diệu. Trong dân gian “hoa” được dụ cho một nhân cách đạo hạnh tốt đẹp của con người “hoa thơm nhờ nhị, người có giá trị nhờ đạo đức”. Bởi đạo đức chính là hương sắc của những cánh hoa thơm mà khi tỏa ra nó sẽ mang đến cho mọi người những hương vị ngọt ngào, an lạc đến bất tận “hương của trăm hoa thì bay theo chiều gió, hương của người đức hạnh sẽ tỏa khắp muôn phương”. Đức Thế Tôn là một cành hoa chúa trong cõi đời này, một khi “trở sanh” thì muôn loài sẽ được ngập tràn trong hương thơm đạo đức !

Trong đạo lý việc “trở” hoa còn là một ý nghĩa của việc hội tụ cơ duyên diệu kỳ. Bởi giữa thế gian có muôn ngàn kỳ hoa dị thảo, nhưng bất cứ loài nào cũng phải chờ đến đúng ngày tháng, hợp thời tiết mới kết nở hương hoa. Dĩ nhiên là có những loài hoa trở sanh theo chu kỳ năm tháng, cũng có những loài hoa chỉ mong chờ vào sự hội tụ các yếu tố của thời tiết làm thành. Đức Phật ra đời là hình ảnh của cành hoa Ưu Đàm thiên thu mới nở. Trong ấy lại cũng mang ý nghĩa của hai nguyên do tương đồng: một là lý do có sự khẳng định lựa chọn theo chu kỳ tháng năm, hai là do nguyên lý cơ duyên tự nhiên xuất hiện.

Nếu thế gian người ta có thể lựa chọn cho sự trở hoa theo quyết định chu kỳ, thì ở đây Bồ Tát Hộ Minh đã lựa chọn những nguyên do lâm phạm tất yếu:

- 1: Thời cơ đã đến chưa,
- 2: Nhân duyên của chúng sanh đã chín mùi chưa,
- 3: Nơi nào là trung tâm thế giới,
- 4: Dòng dõi nào quý thạnh,
- 5: Ai là người đáng bậc mẫu nghi.

Biết thế chúng ta mới không lấy làm lạ khi các kinh sách kể chuyện lúc thái tử chào đời đã bước đi bảy bước trên bảy hoa sen, rồi đưa tay chỉ trời chỉ đất mà tuyên bố những câu nói cao siêu khó hiểu. Tất cả đều là những biểu hiện cho ý nghĩa đạo lý trong sự quán xét lựa chọn một cách tinh tường. Người ta nói: “Kỳ thánh nhân giả, động tịnh tất hữu nguyên” (Các bậc thánh nhân từ việc động tịnh như đưa tay hay giở chân của các Ngài đều có nguyên do hết) là nghĩa như vậy. Về mặt ý nghĩa của chân lý tự nhiên, sách viết: “Phật chân pháp thân, do như hư không. Tùy vật hiện hình, như thủy trung nguyệt.” (Chân pháp thân của Phật, giống như hư không. Theo vật mà hiện hình, như trăng hiện trong nước). Cái tuyệt vời nhất là ở chỗ như trăng trong nước đó. Chân Như pháp thân của Phật nào phải là một cái tướng, nào đâu có sự động tịnh qua lại mà chúng ta cho rằng Ngài vốn có đến đi. Sự có mặt của Ngài trong cõi thế gian chẳng qua là chỉ cái bóng do chân thân hòa hợp nhân duyên với chúng sanh mà có, ví như ánh trăng bàng bạc trên khắp trăm ngàn nước sông. Nơi nào có nước thì nơi đó có trăng, nơi nào không nước thì ánh trăng liền tự mất. Sự mất còn của bóng trăng đáy nước đó có làm thay đổi gì đến ánh trăng vàng vạc giữa trời xanh vọi vọi ấy đâu. Để diễn tả một cách đúng đắn ý nghĩa vi diệu đó kinh sách đã dùng đến hai chữ thị hiện để nói lên sự có mặt của Phật vào đời. Chỗ này thêm một lần nữa, từ ngữ “trở sanh” đã đủ sức để chuyển tải cả một lý pháp thị hiện tuyệt diệu !

Nhìn vào những cành hoa đang khoe sắc mượt mà trên các thân cây, chúng ta sẽ thấu ngộ được điều gì ở hiện tượng trở hoa đó? Phải chăng những cánh hoa trắng đỏ vàng tím ấy đang ẩn núp chỗ nào trong thân cây? Nó là của cây hay không phải là của cây? Nếu câu trả lời là phải thì ngay lúc chưa ra hoa, nó đang ở chỗ nào? Bằng như không phải thì từ đâu lại có những cành hoa thơm lạ đẹp màu đến thế? Những câu hỏi bí hiểm mang đậm tính chất khai ngộ của thiền, khi tìm được câu trả lời sẽ cho ta thấy rõ Pháp tánh Chân Như từ trong việc “trở” hoa màu nhiệm đó. Nghĩa lý đó sẽ trở nên sáng tỏ ra khi chúng ta đọc những câu luận của một môn đồ Đức giáo chủ, ông Thanh Sĩ:

“Trong chất ướt luôn luôn có nước,
Trong nhành cây có chất bông hoa.
Trong giả thân của kiếp người ta,
Có cái chân thân là bất hoại.”

Bởi trong cây chất hoa là sẵn có, cũng như trong cõi thế gian này Pháp thân Phật luôn hiện hữu khắp nơi “Thanh thanh thúy trúc, tận thị Pháp thân. Uất uất

huỳnh hoa, vô phi Bát Nhã.” (Xa xa ở đám trúc xanh kia, nơi nào mà không có Pháp thân. Khuất khuất nơi đám hoa vàng kia, chỗ nào mà không có Bát Nhã).

Từ ý nghĩa vi diệu đó, cho nên trong Đạo Phật hoa đã được sử dụng rất nhiều để chỉ cho Phật trí và Phật tính chân như. Đọc các từ ngữ “liên hoa hiệp chưởng” hay “hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh” chúng ta liền thấy rõ là minh bạch những nghĩa lý tàng ẩn ấy. Một người biết chấp tay hình hoa sen nơi ngực mình là người ấy đã bắt đầu biết đánh thức Phật tính trong tâm. Con đường của người tu tập là làm sao sống được trọn vẹn với Phật tính vốn hữu đó.

***“Trong đạo Phật quá nên huyền bí,
Chỗ tâm thân tọa vị nơi thân.”***

Tuy nhiên không phải dễ cho hành giả được “phản bản hoàn nguyên” khi lòng phàm còn bị biết bao phiền nào nghiệp trần che lấp. Để phá tan đám mây mù cho trời tâm trong sáng, hành giả cần phải diệu dụng đến những pháp tu. Các cách thức mà Đức Phật đã chỉ bày tường tận rất nhiều nơi kho tàng giáo pháp. Phá tan ngũ uẩn cho Phật tánh hiển bày cũng là một trong những cách công phu được nhắc nhở cho ta trong ý nghĩa qua cách thức lạy Phật. Khi năm vóc gieo sát đất cũng là lúc ngũ uẩn bị đập tan, lúc ấy là lúc Phật trí được hiển bày khi đôi bàn tay búp sen của hành giả xòe ra tức là lúc “hoa khai kiến Phật”.

Vậy là việc mà Đức Thế Tôn ra đời là Ngài phải làm sao cho chúng sinh được nở hoa Phật tính và Phật trí trong lòng ấy: “Phật vị nhất đại sự nhân duyên xuất hiện ư thế, khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật.” Đức Thế Tôn là một cành hoa “trở sanh” đã hoàn mãn rồi hành trình giác ngộ của mình, còn chúng sanh cũng là những bông hoa đã nhuần thấm pháp hương, nếu khi thời gian của hành trình tu niệm chín mùi cũng là lúc Phật hoa của chúng ta được “trở sanh” như vậy: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành” chắc chắn là một câu tuyên bố về chân lý bất dịch bất di.

Tóm lại, chỉ bằng qua từ ngữ “trở sanh” mà Đức Thầy đã diễn tả một cách tài tình về sự kiện hy hữu của ngày Phật đản, ẩn chứa trong đó là những nghĩa lý thâm thúy về ý nghĩa cơ duyên và mục đích tối yếu mà Đức Phật lâm phàm, về ý nghĩa của sự thị hiện Pháp Thân. Và còn qua đó, Ngài còn có dịp vẽ nên một nét chấm phá mới bằng nét bút tân kỳ độc đáo cho làng văn Phật giáo soi chung./.